

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 07/2019/KDTM-PT

Ngày: 11-11-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng
bảo hiểm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đường

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đông

Ông Trần Hữu Viên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Ngọc – Thư ký
TAND tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2019/TLPT-KDTM ngày 19/8/2019 về “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 06/2019/KDTM-ST ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐ-KDTM ngày 20/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐ-KDTM, ngày 30/10/2019, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH S

Địa chỉ: Số 49/8 đường H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện theo pháp luật: Ông Văn Xuân Q – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Trung D; địa chỉ: Số 102 đường N, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; ông Đoàn Trung D có mặt.

- Bị đơn: Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B

Địa chỉ: Tầng 16 tháp A, số 191 đường B, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoài A – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Minh H – Chức vụ: Phó tổng Giám đốc.

Ông Vũ Minh H ủy quyền lại cho bà Lê Xuân Q - Phó trưởng phòng Ban quản lý rủi ro; Ông Nguyễn Kiên C-Phó trưởng phòng Ban Giám định bồi thường Tổng Công ty Bảo hiểm B. Các ông bà Lê Xuân Q, Nguyễn Kiên C có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Văn Thiệu T

Địa chỉ: Icon số 56 đường B, phường 6, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Công ty TNHH ô tô N – Chi nhánh T

Địa chỉ: Số 2 đường T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ trụ sở mới: Số 38 đường C, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Văn Xuân Q, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn Trung D trình bày:

Ngày 18/9/2014, Công ty TNHH S ký Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới với Công ty Bảo hiểm B Nam Trung Bộ, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B. Theo đó, Công Ty bảo hiểm B Nam Trung Bộ đồng ý nhận bảo hiểm cho xe ô tô hiệu Mercedes – Benz CLA 200, biển kiểm soát 79A-069.32 thuộc sở hữu của Công ty TNHH S, thời hạn bảo hiểm từ ngày 19/9/2014 đến 19/9/2019; giá trị bảo hiểm vật chất xe là 1.450.000.000 đồng, bảo hiểm tai nạn lái phụ xe và người ngồi trên xe là 20 triệu đồng/người/vụ.

Ngày 11/11/2015, lái xe Văn Thiệu T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 79A-069.32 trên đường Nguyễn Hữu C về nhà đến khu vực dưới chân cầu S, quận B, thành phố Hồ Chí Minh đã cho xe vượt bên phải xe tải đi phía trước nhưng do xe tải giảm tốc độ đột ngột khiến bà T không xử lý kịp đã làm đầu xe bên trái xe ô tô biển kiểm soát 79A-069.32 húc vào đuôi của xe tải. Do va đập mạnh nên bà T bị choáng, bất tỉnh, mất nhận thức trong khoảng một phút, khi tỉnh lại thì xe tải đã bỏ chạy. Chiếc xe ô tô hiệu Mercedes – Benz CLA 200, biển kiểm soát 79A-069.32 bị hư hỏng.

Công ty TNHH S đề nghị Tòa án giải quyết buộc Tổng công ty bảo hiểm B bồi thường thiệt hại đối với chiếc ô tô hiệu Mercedes – Benz CLA 200, biển kiểm soát 79A-069.32 tổng số tiền 673.135.500 đồng, trong đó bao gồm: 516.335.508 đồng chi phí để sửa chữa xe, 90.000.000 đồng tiền phí thuê xe trong một năm do ô tô biển kiểm soát 79A-069.32 bị hỏng; 44.800.000 đồng phí gửi xe tại xưởng của Công ty ô tô N trong thời gian chờ giải quyết vụ việc và 20.000.000 đồng chi phí giám định thiệt hại phương tiện; Yêu cầu này căn cứ các lý do:

Theo quy định Luật kinh doanh Bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm: Trường hợp Công ty TNHH S không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bồi thường bảo hiểm.

Tổng Công ty Bảo hiểm B cho rằng không biết ai là người lái xe, có dùng chất kích thích hay không, có vi phạm luật giao thông đường bộ hay không ... là chưa đủ cơ sở để giải quyết bồi thường là không có căn cứ do khi mua bảo hiểm khách hàng đã khai đầy đủ, trách nhiệm chứng minh thuộc về công ty bảo hiểm.

Công ty Bảo hiểm B yêu cầu khách hàng phải liên hệ Công an để dựng lại hiện trường là không đúng.

Công ty TNHH S xác định Tổng Công ty Bảo hiểm B phải áp dụng Quy tắc bảo hiểm 2015 để giải quyết vụ việc vì quy tắc bảo hiểm năm 2015 đã thay thế, hủy bỏ Quy tắc bảo hiểm năm 2012, Tổng Công ty Bảo hiểm B căn cứ vào Quy tắc bảo hiểm năm 2012 để giải quyết vụ việc là không đúng.

Đại diện hợp pháp của bị đơn, Tổng Công ty bảo hiểm B trình bày:

Ngày 18/9/2014, Công ty Bảo hiểm B Nam Trung Bộ (BIC Nam Trung Bộ đơn vị hạch toán phụ thuộc BIC) và Công ty TNHH S đã ký hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 18142090 theo Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 3166/QĐ-PHH ngày 6/11/2012 của Tổng giám đốc Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đ. Giấy chứng nhận số 050040896/14 được cấp theo Hợp đồng bảo hiểm số 18142090 người được bảo hiểm là Công ty TNHH S, đối tượng bảo hiểm là xe ô tô biển kiểm soát 79A-069.32, thời hạn bảo hiểm từ ngày 19/9/2014 đến 19/9/2019.

Khoảng 01 giờ 15 phút ngày 11/11/2015 lái xe Văn Thiện T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 79A-069.32, từ đường N về nhà trên xe chỉ có một mình bà T, khi đến khu vực dưới chân cầu S, quận Bình T, thành phố Hồ Chí Minh đã cho xe vượt bên phải xe tải đi phía trước. Do xe tải giảm tốc độ đột ngột khiến bà T không xử lý kịp đã làm đầu xe bên trái xe ô tô biển kiểm soát 79A-069.32 húc vào đuôi của xe tải. Sau khi xảy ra tai nạn, bà T tự ý điều khiển xe về nhà mà không thông báo ngay cho cơ quan chức năng lập biên bản sự việc, không thông báo cho BIC biết thông tin để phối hợp giải quyết. Đến 16 giờ ngày 11/11/2015 bà T mới thông báo thông tin vụ tai nạn tới BIC, ngay sau khi tiếp nhận thông tin, BIC Hồ Chí Minh đã cử cán bộ đến hiện trường vụ tai nạn để xác minh lại thông tin nhưng hiện trường không còn dấu vết và không ai biết thông tin vụ tai nạn.

Theo Điều 38 Luật giao thông đường bộ quy định: “Trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức khi xảy ra tai nạn giao thông phải: Dừng ngay phương tiện; giữ nguyên hiện trường; cấp cứu người bị nạn và phải có mặt khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu;

Ở lại nơi xảy ra tai nạn cho đến khi người của cơ quan công an đến, trừ trường hợp người điều khiển phương tiện cũng bị thương phải đưa đi cấp cứu hoặc phải đưa người bị nạn đi cấp cứu hoặc vì lý do bị đe dọa đến tính mạng, nhưng phải đến trình báo ngay với cơ quan công an nơi gần nhất”.

Điều 6 quy tắc bảo hiểm quy định: Trách nhiệm của chủ xe, lái xe khi xảy ra tai nạn phải có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan Công an và BIC nơi gần nhất để phối hợp giải quyết. Chủ xe lái xe phải trung thực trong việc thu thập và cung cấp thông tin tai nạn, các tài liệu chứng từ trong hồ sơ yêu cầu bồi thường.

Điều 11.1 của Hợp đồng bảo hiểm quy định trách nhiệm của Bên A (Công ty TNHH S): Cung cấp toàn bộ hồ sơ và các tài liệu khác có liên quan đến đối tượng bị tổn thất theo yêu cầu của Bên B (BIC) để Bên B có cơ sở giải quyết khiếu nại bồi thường khi có tổn thất xảy ra.

Điều 7 Quy tắc quy định: Trách nhiệm BIC là hướng dẫn chủ xe, lái xe đã được quy định rõ ràng trong Hợp đồng bảo hiểm và Quy tắc bảo hiểm.

Như vậy, trách nhiệm thu thập hồ sơ, tài liệu khiếu nại của chủ xe lái xe đã được quy định tại Hợp đồng bảo hiểm và Quy tắc bảo hiểm.

Trong quá trình giải quyết vụ việc dù BIC Hồ Chí Minh nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH S kịp thời trình báo cơ quan cảnh sát giao thông dựng lại hiện trường lập biên bản vụ tai nạn để làm rõ một số vấn đề liên quan đến phạm vi bảo hiểm nhưng Công ty TNHH S đã không thực hiện hoặc thực hiện chậm trễ dẫn tới không dựng lại được hiện trường. BIC đã xác minh nhưng không xác định được một cách khách quan địa điểm xảy ra tai nạn, nguyên nhân, diễn biến vụ tai nạn, Công an quận B cũng khẳng định không có cơ sở xác định thông tin vụ tai nạn trên là đúng. Từ các lý do trên, Tổng công ty Bảo hiểm B từ chối bồi thường cho Công ty TNHH S do chưa có đủ cơ sở.

Về áp dụng quy tắc bảo hiểm: Điều 4 Hợp đồng bảo hiểm 18142090 ngày 18/9/2014 quy định: Phạm vi bảo hiểm, điều khoản bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm này được áp dụng theo Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe cơ giới ban hành theo Quyết định số 3166/QĐ-PHH ngày 06/11/2012. Do đó không có cơ sở để áp dụng Quy tắc khác để giải quyết đối với tổn thất.

Đối với nội dung tính toán tổn thất – Mục V Chứng thư giám định số VS 180147 ngày 24/10/2018 của Công ty Cổ phần giám định V (Viacontrol) trên cơ sở Biên bản giám định thiệt hại xe cơ giới của BIC ngày 12/11/2015 có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện chủ xe và đại diện Tổng công ty bảo hiểm B và Biên bản giám định xe cơ giới của Viacontrol lập ngày 8/10/2018: Tổng công ty bảo hiểm B xác định tiền chi phí sửa chữa đối với tổn thất xe ô tô 79A-06932 là 229.092.450 đồng, cụ thể:

- Chi phí theo báo giá của Công ty TNHH ô tô N chi nhánh T là các chi phí thay thế toàn bộ hạng mục tổn thất. Tuy nhiên theo đánh giá của Viacontrol có một số hạng mục có thể khắc phục, sửa chữa được và không cần thay thế mới. Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng chi phí khắc phục sửa chữa để tính toán chi phí hợp lý, không áp dụng chi phí thay mới.

- Đối với một số hạng mục tổn thất không được ghi nhận tại Biên bản giám định xe cơ giới của Tổng công ty bảo hiểm B ngày 12/11/2015, Biên bản giám định ngày 8/10/2018 và ảnh tổn thất, đề nghị Tòa án không chấp nhận.

- Đối với các hạng mục thay thế theo yêu cầu kỹ thuật của hãng xe và đơn vị sửa chữa theo Chứng thư giám định đối với các hạng mục này là 140.747.467 đồng: Xét thấy là những hạng mục không được ghi nhận tổn thất trong Biên bản giám định ngày 12/11/2015, do đó những chi phí trên không thuộc phạm vi xem xét bồi thường.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về chi phí gửi giữ xe và chi phí giám định, bị đơn không có ý kiến. Đối với phí thuê xe, Hợp đồng bảo hiểm ký kết giữa các bên không thỏa thuận việc bảo hiểm gián đoạn sử dụng xe (bảo hiểm thuê xe trong thời gian chờ sửa chữa) nên không có cơ sở để chấp nhận.

BIC chỉ đưa ra mức chi phí sửa chữa hợp lý để Tòa án tham khảo chứ không đồng ý bồi thường cho Công ty TNHH S vì chưa đủ cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Văn Thiện T trình bày:

Bà là người trực tiếp điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 79A-069.32 của Công ty TNHH S hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 11/11/2015 tại đoạn đường Ng bà lái xe đi phía sau một chiếc xe tải, vì muốn vượt phải nhưng bất ngờ xe tải giảm tốc độ đột ngột khiến bà không kịp xử lý dẫn tới đầu xe húc vào đuôi xe tải phía trước. Sau va chạm, bà đập đầu vào vô lăng bất tỉnh khoảng một phút. Lúc tỉnh dậy xe tải đã bỏ đi, khi đó đêm khuya, đường vắng lại không gây thiệt hại về người và tài sản cho người thứ ba nên bà đã lái xe về nhà. Chiều cùng ngày bà đã báo cho Công ty Bảo hiểm B Nam Trung Bộ.

Ngày 12/11/2015, đại diện Công ty bảo hiểm B thành phố Hồ Chí Minh đến gặp bà để thu thập hồ sơ và chụp hình phần xe bị hư hỏng. Ngày 14/11/2015 nhân viên cùng lãnh đạo Công ty bảo hiểm B thành phố Hồ Chí Minh đến khu chung cư bà sinh sống để trích xuất camera xác định thời gian bà về nhà và có chụp hình lại. Ngày 16 và 17 tháng 11 năm 2015 nhân viên Công ty ty bảo hiểm B thành phố Hồ Chí Minh có hướng dẫn bà xin dấu xác nhận của phường nơi có hiện trường tai nạn và đề nghị bà liên hệ Đội cảnh sát giao thông Hàng Xanh để dựng lại hiện trường. Sau đó 2 tuần bà gọi thì được thông báo đã chuyển hồ sơ vụ việc của bà về B N giải quyết.

Người làm chứng Công ty TNHH ô tô Ngôi sao V – Chi nhánh T trình bày:

Công ty TNHH S gửi xe ô tô hiệu Mercedes-Benz CLA 200, biển kiểm soát 79A-069.32 vào xưởng sửa chữa của Công ty TNHH ô tô Ngôi sao V – Chi nhánh T với mức phí đậu/gửi giữ xe là 200.000 đồng/ngày. Công ty TNHH S đã thanh toán cho Công ty TNHH ô tô Ngôi sao V – Chi nhánh T theo mức phí thỏa thuận của hai bên là 44.800.000 đồng. Công ty TNHH ô tô Ngôi sao V – Chi nhánh T không liên quan đến việc tranh chấp về yêu cầu bồi thường bảo hiểm giữa Công ty TNHH S và Tổng công ty bảo hiểm B.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2019/KDTM-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã:

Áp dụng khoản 2 Điều 219, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 40, 41, 46, 47, 48 Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000 và sửa đổi bổ sung năm 2010.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty TNHH S: Buộc Tổng công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam phải thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền chi phí hợp lý đối với tổn thất xe ô tô hiệu Mercedes-Benz CLA 200 biển kiểm soát 79A-069.32 theo Chứng thư giám định ngày 24/10/2018 là 328.648.450 đồng (chưa có thuế VAT), tiền phí gửi giữ xe là 44.800.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tổng công ty bảo hiểm Ngân hàng Đ phải thanh toán số tiền thay thế linh kiện “theo yêu

cầu kỹ thuật của hãng xe, đơn vị sửa chữa” là 140.747.467 đồng; số tiền thuê xe 90.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần chi phí giám định, án phí, quy định thi hành bản án và quyền kháng cáo của đương sự, người liên quan.

Ngày 17/5/2019, nguyên đơn Công ty TNHH S có đơn kháng cáo một phần nội dung bản án sơ thẩm, cụ thể đề nghị xem xét: Chi phí thuê xe phục vụ công việc ngoài hợp đồng bảo hiểm và chi phí thay thế theo yêu cầu kỹ thuật của hãng xe, đơn vị sửa chữa không được bản án sơ thẩm chấp nhận.

Ngày 21/5/2019, bị đơn Tổng công ty bảo hiểm Ngân hàng Đ kháng cáo phần nhận định tổn thất xe ô tô 79A-069.32 thuộc phạm vi bảo hiểm và phần tuyên buộc BIC phải bồi thường tiền cho nguyên đơn và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu tại phiên tòa của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử, các đương sự và người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do có kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn đối với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố N nên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm là đúng với quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Văn Thiện T và người làm chứng Công ty TNHH ô tô N – Chi nhánh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng theo quy định tại Điều 227, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về kháng cáo của nguyên đơn: Công ty TNHH S có đơn kháng cáo một phần nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét: Chi phí thuê xe phục vụ công việc ngoài hợp đồng bảo hiểm và chi phí thay thế theo yêu cầu kỹ thuật của hãng xe, đơn vị sửa chữa không được bản án sơ thẩm chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét: Đối với chi phí thuê xe phục vụ công việc ngoài hợp đồng bảo hiểm, căn cứ theo hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 18142090 ngày 18/9/2014 mà Công ty TNHH S đã ký với Công ty bảo hiểm B Nam Trung Bộ thì các bên không thỏa thuận về trường hợp bảo hiểm “gián đoạn kinh doanh” hay bảo

hiểm gián đoạn sử dụng xe. Bảo hiểm “gián đoạn kinh doanh” được hiểu là “Bảo hiểm cho những mất mát về lợi nhuận gộp do sự giảm sút về doanh thu hoặc gia tăng về chi phí kinh doanh, gây ra do việc gián đoạn hoạt động kinh doanh của người được bảo hiểm do các rủi ro được bảo hiểm ở phần thiệt hại vật chất gây ra”; Trong trường hợp này Công ty S cũng không chứng minh được việc thuê xe trong thời gian xe ô tô BKS 79A-069.32 bị hư hỏng làm giảm sút về doanh thu hoặc tăng chi phí kinh doanh. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn còn bổ sung yêu cầu được thanh toán 10% thuế gia trị gia tăng (VAT) trên số tiền 328.648.450 đồng; Xét nội dung kháng cáo này của nguyên đơn không đúng hạn luật định, đồng thời cho đến nay nguyên đơn cũng không xuất trình được hóa đơn VAT, nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với chi phí thay thế theo yêu cầu kỹ thuật của hãng xe, đơn vị sửa chữa: Theo Chứng thư giám định số VS 180147 ngày 24/10/2018, Biên bản giám định thiệt hại xe cơ giới của Tổng công ty bảo hiểm B ngày 12/11/2015, Biên bản giám định ngày 8/10/2018 không ghi nhận tổn thất nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường đối với các hạng mục này của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Về kháng cáo của bị đơn: Xét kháng cáo của Tổng công ty bảo hiểm Ngân hàng Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 18142090 ngày 18/9/2014 mà nguyên đơn và bị đơn đã ký kết, căn cứ khoản 1.1 Điều 16 Chương II “Bảo hiểm vật chất xe” của Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe cơ giới (ban hành kèm theo Quyết định 3166/QĐ-PHH ngày 06/11/2012 của Tổng Công ty bảo hiểm B thì phạm vi bảo hiểm là: “BIC sẽ bồi thường cho chủ xe những thiệt hại vật chất xảy ra do những tai nạn bất ngờ, ngoài sự kiểm soát của chủ xe, lái xe trong những trường hợp “Đâm va, lật đổ, rơi toàn bộ xe”. Chứng thư giám định VS180147 ngày 24/10/2018, biên bản giám định xe cơ giới ngày 08/10/2018 đều thể hiện có thiệt hại thực tế do tai nạn đối với xe ô tô biển kiểm soát 79A-069.32 của Công ty TNHH S; Bị đơn cũng không chứng minh được thiệt hại của xe ô tô trên “*Không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm*” quy định tại Điều 9, Điều 17 Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe cơ giới (ban hành kèm theo Quyết định 3166/QĐ-PHH ngày 06/11/2012 của Tổng Công ty bảo hiểm B); Lý do người được bảo hiểm không gọi điện báo ngay khi xảy ra tai nạn không thuộc các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe cơ giới (ban hành kèm theo Quyết định 3166/QĐ-PHH ngày 06/11/2012 của Tổng Công ty bảo hiểm B) và hợp đồng hai bên đã ký.

Đối với chi phí giữ xe mà Công ty TNHH S đã phải thanh toán cho Công ty TNHH ô tô N; Xét thấy đây là một trong các chi phí hợp lý “*mà người được bảo hiểm phải chịu để thực hiện chỉ dẫn của doanh nghiệp bảo hiểm*” (chờ giám định bồi thường thiệt hại) theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Luật kinh doanh bảo hiểm nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này là có căn cứ.

Từ các nhận định trên cho thấy kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn đều không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Công ty TNHH S và bị đơn Tổng công ty bảo hiểm Ngân hàng Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 40, 41, 46, 47, 48 Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000 và sửa đổi bổ sung năm 2010, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH S và bị đơn Tổng công ty bảo hiểm Ngân hàng Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty TNHH S: Buộc Tổng công ty bảo hiểm Ngân hàng Đ phải thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền chi phí hợp lý đối với tổn thất xe ô tô hiệu Mercedes-Benz CLA 200 biển kiểm soát 79A-069.32 theo Chứng thư giám định ngày 24/10/2018 là 328.648.450 đồng, tiền phí gửi giữ xe là 44.800.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tổng công ty bảo hiểm Ngân hàng Đ phải thanh toán số tiền thay thế linh kiện “theo yêu cầu kỹ thuật của hãng xe, đơn vị sửa chữa” là 140.747.467 đồng; số tiền thuê xe 90.000.000 đồng.

4. Về án phí và chi phí giám định:

Về án phí sơ thẩm:

- Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Đ phải nộp 18.672.442 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty TNHH S phải nộp 13.884.352 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận nhưng được trừ vào số tiền 12.600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0007879 ngày 22/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, Công ty TNHH S còn phải nộp 1.284.352 đồng tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Về án phí phúc thẩm:

- Công ty TNHH S phải nộp 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0014623 ngày 03/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, Công ty TNHH S đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

- Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Đ phải nộp 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0014798 ngày 26/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Đ đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Về chi phí giám định:

Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Đ phải hoàn trả cho Công ty TNHH S số tiền 22.000.000 đồng chi phí giám định

Quy định: Trường hợp người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND tp N;
- Chi cục THADS tp N;
- Lưu Tòa KT, AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Công Đường

.